TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 01- 2020
V/v tranh chấp:"Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ŃC, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Bá Thị Thu Vân

- Bà Lê Thị Hường.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXX-ST, ngày 19-12-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06, ngày 02/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Triệu Thị M, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ; Tổ 19, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Q.

2. Bị đơn**:** Ông Lê T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay bà M trình bày:

- Về hôn nhân*:* Bà M, ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, tổ chức lễ cưới về chung sống và có đến UBND xã B, huyện T, tỉnh Q đăng ký kết hôn vào năm 2015; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên bài bạc, bà M nhắc nhỏ nhiều lần nhưng ông T không từ bỏ nên xảy ra cải vã và ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 3/2016 cho đến nay.

Nay bà M xét thấy tình cảm giữa bà với ông T không còn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Triệu Nhật H, sinh ngày 22-10-2015; hiện nay con chung bà M đang nuôi và yêu cầu được tiếp tục nuôi, bà không yêu cầu ông T cấp dữơng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về thu nhập: Bà M làm công nhân May mỗi tháng thu nhập khoảng 4.500.000 đồng và bà M trình bày do bà ở xa việc đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với ông T: Tòa án tống đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng ông T không có mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn theo thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn ông T; giao bà M nuôi 01 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, nuôi con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về tố tụng: Tòa án tống đạt các thông báo theo thủ tục tố tụng, bị đơn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đưa ra xét xử theo luật định.

[4] Về hôn nhân**:** Bà Triệu Thị M, ông Lê T tự tìm hiểu chung sống với nhau năm 2007 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng tháng 3 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân.

Theo thông tin Tòa án thu thập thì bà M, ông T mâu thuẫn đã trầm trọng sống ly thân.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M, ông T cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M xin ly hôn ông T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[5] Về con chung**:** Có 01 đứa con chung tên Lê Triệu Nhật H, sinh ngày 22-10-2015 hiện con chung đang sống chung với bà M cuộc sống ổn định.Vì vậy Hội đồng xét xử, xử giao cho bà M tiếp tục nuôi là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng; Ông Lê T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí**:** Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thì bà M là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Triệu Thị M, bà Triệu Thị M được ly hôn ông Lê T.

Về con chung: Giao cho bà Triệu Thị M trực tiếp nuôi 01 đứa con chung tên Lê Triệu Nhật H, sinh ngày 22-10-2015 (hiện con chung bà M đang nuôi).

Bà Triệu Thị M là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lê T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí**:** Buộc bà Triệu Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0019852 ngày 19-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Lê Thị Hường; Bá Thị Thu Vân	**Đoàn Sửu**

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước;
- UBND xã Bình Phú, huyện Thăng Bình,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

Đoàn Sửu